

Bản án số: 68 /2020/HS-PT

Ngày: 26- 5 - 2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Thẩm phán: Ông Trần Khánh Hồng

Ông Đặng Minh Tuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Thu Trang— Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2020/TLPT-HS ngày 14/02/2020, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

* Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn N, tên gọi khác: Không- sinh năm 1985, tại Bắc Giang; nơi đăng ký hộ khẩu và nơi ở: Xóm CN, xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Phạm Văn Đ và con bà: Nguyễn Thị H; có vợ: Đinh Thị M, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/3/2019 đến nay. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo do bị cáo nhờ* : Luật sư Nguyễn Bá N1 – Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1 Bắc Giang – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Bùi Đức Q, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ngõ 4, phố HHT, thị trấn CG, huyện TY, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng:

1. Đàm Văn N2, sinh năm 1976

Nơi ĐKKHKT: Xóm BC, xã TÃ, huyện PB, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang thi hành án tại Trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an. (Có mặt)

2. Thân Đức T, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT: Xóm ND, xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang thi hành án tại Trại giam Vĩnh Quang - Bộ Công an. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 01 giờ 00 ngày 19/02/2019, tổ công tác của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ trên tuyến quốc lộ 3, từ km 63 đến km 113, khi đến km 76 thuộc địa phận xã SC, thành phố TN tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 99B-004.30 do Thân Đức T điều khiển theo hướng Bắc Kạn-Thái Nguyên. Qua kiểm tra xe ô tô phát hiện trên xe chở 35 thùng hàng hóa đựng trong các thùng các-tông, do T không xuất trình được giấy phép lái xe và giấy tờ nguồn gốc hàng hóa nên tổ công tác đã lập biên bản vi phạm hành chính, tạm giữ xe ô tô đưa về trụ sở Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thái Nguyên để làm rõ. Tại trụ sở Phòng Cảnh sát giao thông đã tiến hành kiểm tra thực tế 35 thùng các-tông phát hiện:

-07 thùng các tông có kích thước (49x25,5x47)cm, bên trong mỗi thùng đựng 06 hộp nhỏ kích thước (24x24x15)cm,viền màu đỏ vàng ghi chữ nước ngoài nghi là pháo.

-28 thùng các-tông có kích thước (46x32x47)cm, bên trong mỗi thùng đựng 18 hộp nhỏ kích thước (15x15x15)cm viền màu đỏ vàng ghi chữ nước ngoài nghi là pháo.

Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, niêm phong vật chứng đồng thời chuyển hồ sơ, tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên để giải quyết theo thẩm quyền.

Hồi 14 giờ 00 ngày 20/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành mở niêm phong cân xác định trọng lượng toàn bộ số vật chứng nghi là pháo nêu trên được 885,9kg, tiến hành niêm phong toàn bộ 35 thùng cát tông, chứa các hình hộp (nghi là pháo) theo quy định của pháp luật để trưng cầu giám định. Số tang vật giám định được niêm phong trong hai thùng cát tông ký hiệu là T1 và T2. Cân xác định trọng lượng mẫu giám định là 67,8kg.

Ngày 20/2/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 359/CSĐT yêu cầu giám định pháo nổ, kèm theo 35 mẫu vật được ký hiệu lần lượt từ A1 đến A7 và từ B1 đến B28.

Tại Kết luận giám định số 439/KL-PC09 ngày 26/02/2019 và Kết luận giám định số 546/KL-PC09 ngày 21/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công

an tỉnh Thái Nguyên kết luận: 35 vật hình hộp gửi giám định là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Hồi 11 giờ 45 phút ngày 21/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Thân Đức T tại thôn ND, xã QN, huyện TY, tỉnh Bắc Giang. Kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 19/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đàm Văn N2 tại xóm BC, xã TÂ, huyện PH, tỉnh Cao Bằng. Kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm Thân Đức T và Đàm Văn N2 khai nhận: Do N2 quen biết N qua việc mua bán lợn nên đầu tháng 02/2019 Phạm Văn N sử dụng số điện thoại 0339.019.255 gọi điện vào số điện thoại của Đàm Văn N2 là 033.987.7976 trao đổi với N2 cần mua pháo hoa nổ, N2 nói để tìm hàng sau khi liên hệ mua được pháo giữa N2 và N thỏa thuận giá 01 thùng pháo là 2.150.000 đồng, N đã đặt mua của N2 35 thùng pháo các loại trong đó có loại dàn 36 quả và dàn 100 quả với tổng số tiền là 75.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận với N, N2 liên lạc với một người tên là Z bên LC, TQ để mua 35 thùng pháo với giá 53.000.000 đồng và N2 gọi điện lại để báo cho N, N hẹn ngày 18/02/2019 sẽ lên Cao Bằng lấy pháo.

Vào khoảng 08 giờ 30 ngày 18/02/2019, Phạm Văn N gọi điện từ số điện thoại 0339.019.255 vào số điện thoại của T là 0977.068.077, bảo T đi xe ô tô của T lên nhà N để chở N đi đám ma ở Lạng Sơn. Sau khi T đến nhà N thì N bảo T để xe lại cho N tự lái đi Lạng Sơn và bảo T đi chở hàng là pháo từ huyện QU, tỉnh Cao Bằng về Bắc Giang cho N, với giá 1.500.000 đồng, T đồng ý. N gọi điện hỏi thuê xe của anh Bùi Đức Q (sinh năm 1972, Nơi cư trú: thị trấn CG, huyện YT, tỉnh Bắc Giang) sau đó bảo với anh Q tỷ có T xuống lấy xe. N liên hệ với anh Q xong thì cho T số điện thoại của anh Q là 0966.324.972 và bảo T gọi điện liên hệ với anh Q để lấy xe. Đồng thời, N cho T số điện thoại 033.987.7976 của Đàm Văn N2, bảo T liên hệ với N2 lấy hàng và N đưa cho T 30.000.000 đồng để mang lên Cao Bằng trả tiền pháo cho N2. Sau khi nhận tiền của N, T đã gọi điện cho N2 để xác nhận đồng thời gọi điện cho anh Q để lấy xe. Khoảng 12 giờ T nhận xe ô tô BKS: 99B-004.30 và điều khiển xe đến HL, QU, Cao Bằng (khi lấy xe T là người ký hợp đồng thuê xe).

Đàm Văn N2 và Z hẹn nhau chiều tối ngày 18/02/2019 ra khu vực biên giới giữa Việt Nam và TQ để giao hàng, sau khi nhận hàng N2 trả cho Z 20.000.000 đồng (còn 33.000.000 đồng sẽ trả sau) và N2 đã thuê chở 35 thùng pháo đến xã CB, huyện QU, tỉnh Cao Bằng để bốc hàng xuống.

Khi T đi đến gần Cao Bằng, T có gọi vào số 033.987.7976 thì N2 nghe máy, khoảng 19 giờ cùng ngày N2 đi xe mô tô ra đón T tại xã CB, huyện QU, tỉnh

Cao Bằng đồng thời hướng dẫn đường cho T đến địa điểm tập kết pháo. Đến nơi, T và N2 cùng bốc pháo lên xe, sau khi bốc hàng xong T đưa cho N2 30.000.000 đồng và điều khiển xe đi về Bắc Giang. Trên đường chở pháo về T gọi điện lại cho N2 để xác nhận xem N2 đã đếm đủ tiền chưa, N2 xác nhận đã nhận được 30.000.000 đồng, còn 45.000.000 đồng ai sẽ thanh toán thì T trả lời T chỉ chở thuê nên không biết, N sẽ trả sau. Quá trình đi đường T có gọi điện cho N vào số điện thoại 0339.019.255 để trao đổi về việc đi đường thế nào cho đến khi T bị Công an bắt giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm Phạm Văn N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, N khai: N với Thân Đức T là bạn bè chơi với nhau từ khi học cấp 2, không có quan hệ anh em họ hàng, N với Đàm Văn N2 là quan hệ xã hội bình thường, không có quan hệ anh em họ hàng gì, giữa N và N2 cũng như N và T không có mâu thuẫn gì. N thường xuyên sử dụng hai số điện thoại là 0339.019.255 và 01697.562.485 nhưng không N2 rõ chính xác từ thời gian nào. Ngày 18/02/2019, N có gọi điện nói chuyện với T nhưng không N2 đã nói chuyện gì và cũng không N2 dùng số điện thoại nào để gọi. Từ ngày 14/02/2019 đến ngày 18/02/2019, N có gọi cho Đàm Văn N2 nhưng không N2 đã dùng số điện thoại nào, nội dung là chỉ gọi hỏi thăm sức khỏe bình thường, ngoài ra không trao đổi nội dung gì khác. Ngày 18/02/2019, N có sử dụng số điện thoại 0339.019.255 gọi điện cho anh Q để hỏi thăm tình hình sức khỏe. N không thuê Thân Đức T đi chở pháo từ Cao Bằng về Bắc Giang, không đưa tiền cho T đi lấy pháo, không thuê xe của anh Q để T đi Cao Bằng chở pháo, đồng thời với 02 số điện thoại trên N bị mất trước ngày bị bắt 25/3/2019 khoảng 20 ngày.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội "Buôn bán hàng cấm"

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Phạm Văn N 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/03/2019.

Ngoài ra bản án còn Quyết định hình phạt đối với Đàm Văn N2 09 (chín) năm tù về tội "Buôn bán hàng cấm"; Thân Đức T 06 (sáu) năm tù về tội "Vận chuyển hàng cấm"; quyết định về xử lý vật chứng, buộc các bị cáo chịu án phí và thông báo Q kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/01/2020 bị cáo Phạm Văn N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Phản kết luận tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, vai trò của bị cáo N. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, cơ bản như nội dung bản án sơ thẩm mô tả. Tuy nhiên bị cáo cho rằng số pháo nổ

mà Công an thu giữ có trọng lượng là 885,9kg là của bị cáo và T chung nhau, bị cáo không thuê T đi chở pháo mà bảo T đi chở pháo về bán lãi chia nhau. Bị cáo là người giao dịch mua 35 thùng pháo với N2, giá là 75.000.000đồng, là người thuê xe của anh Q, cho T số điện thoại của anh Q và của N2 để T liên hệ lấy xe và lấy pháo; số tiền 30.000.000đồng của bị cáo đưa cho T trả tiền pháo cho N2, số tiền còn thiếu 45.000.000đồng N2 có gọi điện cho bị cáo. Khoảng 01h ngày 19/02/2019 bị cáo có gọi điện cho anh Q hỏi xe có định vị không, xem xe đang ở đâu; anh Q nói xe đang ở Thái Nguyên, bị cáo có nói với anh Q xe chở pháo bị bắt. Lời nhận tội của bị cáo một phần phù hợp với lời khai của T; phù hợp với lời khai của N2, của anh Q và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS-ST ngày 08/01/2020 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo nhận bị cáo là người trao đổi mua bán 35 thùng pháo với N2, đưa tiền cho T chuyển tiền cho N2, thuê xe của anh Q cho T đi Cao Bằng chở pháo về Bắc Giang. Tại cơ quan điều tra bị cáo có lời khai chung tiền với T mua pháo, bị cáo không thuê T đi chở pháo nên tại phiên tòa lời khai của bị cáo là đúng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, ông nội bị cáo có công với cách mạng được tặng thưởng huân, huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 8 – 9 năm tù.

Viện kiểm sát tranh luận: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không nhận tội, không có lời khai nào bị cáo khai chung tiền mua pháo với T nên lời khai này của bị cáo là không có căn cứ; tại phiên tòa luật sư có giao nộp giấy chứng nhận Huân, Huy chương của ông nội bị cáo, có thể chấp nhận cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo N nhất trí lời bào chữa luật sư, không bổ sung gì tranh luận

Lời nói sau cùng bị cáo thấy hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Phạm Văn N thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và khai nhận: Giữa bị cáo và N2 quen biết

nhau qua việc mua bán lộn, nên đầu năm 2019 bị cáo đã gọi điện cho N2 cần mua pháo hoa nổ. N2 đồng ý và sau đó bị cáo có đặt mua của N2 35 thùng pháo các loại với tổng số tiền là 75.000.000đồng. Sau đó, N2 gọi điện thoại cho bị cáo đã mua được pháo, bị cáo hẹn ngày 18/02/2019 lên Cao Bằng lấy pháo. Ngày 18/02/2019, bị cáo có gọi điện từ số điện thoại 0339.019.255 vào số điện thoại của T, bảo T đi xe ô tô của T lên nhà bị cáo để chờ bị cáo đi đám ma ở Lạng Sơn. Sau khi T đến nhà thì bị cáo bảo T để xe lại cho bị cáo tự lái đi Lạng Sơn và bảo T đi chờ hàng là pháo từ huyện QU, tỉnh Cao Bằng về Bắc Giang. T đồng ý. Bị cáo gọi điện hỏi thuê xe của anh Bùi Đức Q, sau đó bảo với anh Q tỷ có T xuống lấy xe. Sau khi liên hệ với anh Q xong thì bị cáo cho T số điện thoại của anh Q và bảo T gọi điện liên hệ với anh Q để lấy xe. Đồng thời, bị cáo cho T số điện thoại 033.987.7976 của Đàm Văn N2, bảo T liên hệ với N2 lấy hàng và bị cáo đưa cho T 30.000.000 đồng để mang lên Cao Bằng trả tiền pháo cho N2. Sau đó, bị cáo có liên lạc với T trong quá trình T vận chuyển pháo trên đường cho đến khi T bị Công an bắt giữ; bị cáo có gọi điện cho anh Q vào khoảng 01h sáng ngày 19/02/2019 hỏi xem xe có định vị không, thì được biết xe đang ở Thái Nguyên, bị cáo có nói cho anh Q biết xe bị bắt. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng toàn bộ số pháo bị Công an thu giữ có trọng lượng 885,9kg là của bị cáo và T chung nhau, bị cáo không thuê T đi chở pháo mà bị cáo bảo T đi chở pháo về bán lãi chia nhau. Căn cứ vào lời khai của T, N2 và tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định toàn bộ số pháo trên là của bị cáo N mua của N2.

Lời khai nhận của bị cáo một phần phù hợp với lời khai của Thân Đức T; phù hợp với lời khai của Đàm Văn N2 và lời khai của anh Bùi Đức Q, vật chứng thu giữ, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên và các chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do có quan hệ quen biết nên đầu tháng 02 năm 2019, Phạm Văn N đã gọi điện đặt mua của Đàm Văn N2 35 thùng pháo (gồm 28 thùng loại giàn 36 quả và 07 thùng loại giàn 100 quả) với giá 75.000.000 đồng. Sau khi N2 mua được pháo thông báo cho N, N thuê T đi Cao Bằng chở pháo với giá 1.500.000 đồng và N đưa cho T 30.000.000 đồng để trả tiền cho N2. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 19/02/2019 khi T điều khiển xe ô tô về đến Km 76, Quốc lộ 3 thuộc khu vực xã SC, thành phố TN thì bị lực lượng Công an phát hiện lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng. Qua cân xác định trọng lượng toàn bộ số vật chứng xác định 885,9kg, kết luận giám định là pháo, có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn N về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không nhận tội, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bị cáo phạm tội Buôn bán hàng cấm là đúng, không

oan; ông nội bị cáo là Phạm Văn H có công trong kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị của luật sư cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng pháp luật của Nhà nước ta, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm hoàn lương.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5].Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn N, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Buôn bán hàng cấm”;

1. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn N 10(mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2019.

Căn cứ vào Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí. Bị cáo Phạm Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh TN, Sở TP;
- VKSND TPTN;
- TAND TPTN;
- THADS TPTN;
- CA TPTN;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Nhài

